# GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM – LÝ LUẬN, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

**Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Tím Huế, Đồng Thị Yến**
*Trường Đại học Hải Dương*

***Tóm tắt:*** *Sau hơn 30 năm phát triển, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam đã bảo đảm cho hầu hết trẻ khuyết tật trong độ tuổi giáo dục mầm non và phổ thông được tiếp cận trực tiếp với giáo dục ở các nhà trường, chủ yếu bằng phương thức giáo dục hoà nhập. Đồng thời, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật cũng như gia đình của trẻ.*
*Nội dung bài viết tập trung vào tổng hợp các vấn đề lý luận, thông tin và số liệu thứ cấp để đưa ra một bức tranh tổng thể về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật hiện nay ở nước ta. Mặc dù còn nhiều thách thức cần tiếp tục vượt qua, song quá trình phát triển giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở nước ta hiện nay đã đặt những nền móng vững chắc cho các nhà quản lý giáo dục các cấp, nhà trường (mầm non, phổ thông) xác định mục tiêu, giải pháp thực hiện và các điều kiện bảo đảm cho phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta nói chung cũng như ở mỗi nhà trường giai đoạn tiếp theo.*
***Từ khóa:*** *Giáo dục hoà nhập, trẻ khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.*

Nhận bài ngày 20.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Hà; Email: minhha77@gmail.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hòa nhập (GDHN) trẻ khuyết tật ở Việt Nam bắt đầu được thực hiện từ đầu những năm 1990 của thế kỷ trước. Từ năm học 2001 – 2002, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chính thức coi GDHN là phương thức chủ yếu để thực hiện các quyền của trẻ khuyết tật, trong đó có quyền được học tập ở các nhà trường [1].

Ngày càng nhiều trẻ khuyết tật được đi học ở các cơ sở giáo dục (chuyên biệt, bán hòa nhập và hòa nhập). Theo số liệu thống kê do các địa phương gửi tới Bộ GD&ĐT, năm học 2022-2023 có khoảng 85% với gần 1.200.000 trẻ khuyết tật đang đi học ở các cơ sở giáo dục, trong đó có khoảng 94% đang học theo phương thức GDHN, chủ yếu là ở cấp tiểu học, còn lại là một số ít học ở cấp mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông và các cấp học cao hơn (cao đẳng, đại học) [2].

Bên cạnh đó, hàng loạt các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước đã công bố các kết quả nghiên cứu về phương thức giáo dục này, đồng thời ngày càng nhiều trẻ khuyết tật được đến trường học tập. Tuy nhiên, mặc dù GDHN đã được thực hiện hơn 30 năm ở nước ta và song cả về lý luận và thực tiễn trong suốt quá trình này luôn đặt ra những vấn đề thách thức đòi hỏi các nhà trường, cộng đồng, gia đình, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở đào tạo phải nỗ lực theo chức năng, nhiệm vụ của mình để giúp cho việc tăng về số lượng trẻ khuyết tật được học tập, đồng thời, bảo đảm chất lượng học tập của trẻ khuyết tật, chất lượng GDHN [1].

Bài viết tập trung vào tổng hợp các vấn đề lý luận với những nội dung cơ bản như: 1) Thuật ngữ GDHN; 2) Hệ thống quản lý chuyên môn GDHN; 3) Thực trạng GDHN trẻ khuyết tật; 4) Các giải pháp phát triển GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta giai đoạn hiện nay.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Về thuật ngữ GDHN

#### *2.1.1. Thuật ngữ GDHN trên thế giới*

Có ba cách tiếp cận/cách hiểu và vận dụng thuật ngữ GDHN trên thế giới sau đây [4]:

*a. GDHN là phương thức nhằm thực hiện Giáo dục cho mọi người*

Đại diện các nước, các tổ chức quốc tế theo quan điểm này như Việt Nam, Lào, Ấn Độ, các nước châu Phi, Ý, Tây Ban Nha, Tổ chức văn hoá giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Liên minh các Tổ chức cứu trợ trẻ em và một số các tổ chức phát triển quốc tế khác.

Quan điểm này xuất phát từ tiếp cận *giáo dục là quyền cơ bản của con người* được nêu trong Tuyên bố thế giới về Quyền con người năm 1948 và sau đó điều này được khẳng định một lần nữa tại điều 28 của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em 1989.

Có thể tựu trung quan điểm này như sau: 1) GDHN dựa trên niềm tin rằng, quyền được hưởng giáo dục là quyền cơ bản của con người và là cơ sở nền tảng của một xã hội trong tương lai gần; 2) Để thực hiện được quyền này, những hành động Giáo dục cho mọi người đã diễn ra nhằm tạo ra một nền giáo dục cơ bản, có chất lượng cho mọi người; 3) GDHN mang tính định hướng cho việc thực hiện Giáo dục cho mọi người bằng cách tìm ra những con đường để làm cho các nhà trường có khả năng đáp ứng cho mọi người trong cộng đồng xã hội như là một bộ phận trong hệ thống GDHN; 4) GDHN quan tâm đến tất cả mọi người học, tập trung vào những cá nhân bị loại trừ khỏi những cơ hội giáo dục truyền thống như người có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ khuyết tật, người dân tộc, đòng bào ở các vùng sâu, vùng xa,...

*b. GDHN là một trong các phương thức giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt*

Đây là quan điểm tương đối phổ biến của hầu hết các quốc gia trên thế giới, cả trong lý luận và thực tiễn thực hiện GDHN, trước hết là tập trung chủ yếu vào giáo dục trẻ khuyết tật, sau đó được mở rộng dần ra giáo dục cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt khác. Theo đó, có ba phương thức giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, đó là phương thức giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập và GDHN.

Mục tiêu GDHN bao gồm: 1) Đảm bảo cho mọi trẻ được hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội cống hiến; 2) Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ, bao gồm: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động. Phát triển kiến thức, kĩ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hoà nhập cộng đồng khi trẻ 18 tuổi; 3) Trẻ có nhu cầu đặc biệt có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách.

*c. GDHN là một bộ phận trong giáo dục phổ thông nhằm đáp ứng một số nhu cầu đặc biệt của trẻ*

Đây là một quan điểm nhìn nhận tương đối phổ biến về GDHN ở Mỹ, một số nước châu Âu có nền kinh tế phát triển như Thuỵ Điển, Hà Lan, Đan Mạch,... ở châu Á như Hồng Kông, Thái Lan, Philippines và ở châu Phi như Nam Phi,...

Theo đó, khi một trẻ có nhu cầu đặc biệt học trong một lớp của trường hoà nhập thì trẻ đó bên cạnh yêu cầu cần phải tham gia mọi hoạt động học tập như những trẻ khác lại cần được đáp ứng nhu cầu riêng của bản thân. Điều này đòi hỏi trong lớp học có thêm một giáo

viên với trình độ chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ. Giáo viên này được gọi là giáo viên chuyên biệt và thông thường mỗi loại trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt sẽ cần có giáo viên chuyên biệt về lĩnh vực đó. Việc đánh giá kết quả học tập của trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt có thể áp dụng riêng đối với từng lĩnh vực phát triển hoặc vẫn theo tiêu chí đánh giá chung như mọi trẻ khác.

Xu hướng về GDHN này ngày càng được mở rộng ra đối với các nước có nền kinh tế phát triển, khi mà một lớp học có thể có từ 2 đến 3 cùng phối hợp giảng dạy trong một lớp học với số lượng học sinh không nhiều (khoảng từ 25 đến tối đa là 30). Đồng thời, một phương pháp dạy học mới đang được hình thành và phát triển nhanh chóng, đó là phương pháp dạy học phối hợp (co-teaching).

***2.1.2. Thuật ngữ GDHN ở Việt Nam***

GDHN người khuyết tật Việt Nam đã chính thức được luật hóa trong Luật Người khuyết tật 2010, Điều 2, mục 4. *GDHN là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục.* Tại Điều 3, mục 1. Dạng tật bao gồm: a) Khuyết tật vận động; b) Khuyết tật nghe, nói; c) Khuyết tật nhìn; d) Khuyết tật thần kinh, tâm thần; đ) Khuyết tật trí tuệ; e) Khuyết tật khác.

Như vậy, với các tiếp cận khác nhau về GDHN trên thế giới, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực GDHN trẻ khuyết tật của Việt Nam cho rằng, GDHN có những đặc trưng cơ bản: 1) Giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội; 2) Trẻ đi học ở cơ sở giáo dục tại nơi trẻ đang sinh sống; 3) Không đánh đồng mọi trẻ, mỗi trẻ là khác nhau; 4) Điều chỉnh phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ về mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục.

**2.2. Các quy định hiện hành về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật ở Việt Nam**

Thực hiện cam kết với cộng đồng quốc tế về việc thực hiện các Quyền cơ bản của trẻ em nói chung và đối với trẻ em khuyết tật, Việt Nam đã ban hành hàng loạt các văn bản về giáo dục người/trẻ khuyết tật. Nổi bật là một số các văn bản cụ thể như: 1) Luật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội quy định về quyền và nghĩa vụ của người khuyết tật; trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với người khuyết tật; 2) Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về GDHN đối với người khuyết tật; 3) Quyết định số 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020; 4) Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, bao gồm: tổ chức bộ máy; hoạt động; giáo viên, nhân viên; trẻ em, học sinh (sau đây gọi chung là học sinh) và học viên; tài chính và tài sản; quan hệ giữa Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN với các cơ quan, tổ chức khác;…; 5) Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;…

Có thể nói, hệ thống các văn bản pháp quy của Việt Nam về vấn đề giáo dục người khuyết tật, GDHN trẻ khuyết tật ngày càng được hoàn thiện hơn, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy hơn nữa thực hiện có chất lượng và hiệu quả GDHN trẻ khuyết tật ở nước ta.

**2.3. Hệ thống quản lý về GDHN trẻ khuyết tật**

Bắt đầu từ năm học 2002-2003, hệ thống quản lý chuyên môn về GDHN trẻ khuyết tật của ngành GD&ĐT đã được thành lập gồm Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật các cấp và